

Số: 174 /QĐ-KKT

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết
Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng), tỷ lệ 1/500
Mã số thông tin quy hoạch: 422633013561

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng);

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KKT ngày 05/6/2026 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng), tỷ lệ 1/500;

Căn cứ ý kiến của các đơn vị: Sở Xây dựng tại Văn bản số 4218/SXD-QHKT₂ ngày 13/7/2026; Sở Công Thương tại Văn bản số 1888/SCT-QLTM ngày 09/7/2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 5460/SNNMT-MT ngày 10/7/2026; Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 2059/SKHCN-CĐS ngày 15/7/2026; Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh tại Văn bản số 57/PCCC ngày 09/7/2026; UBND phường Hoành Sơn tại Văn bản số 1548/UBND-KTHT&ĐT ngày 09/7/2026;

Theo đề nghị của Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Quản lý Dự án Khí các Tờ trình: số 259/TTr-DAK ngày 30/6/2026 và số 299/TTr-DAK ngày 28/7/2026 về việc đề nghị thẩm định Quy hoạch chi tiết dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng) và Báo cáo kết quả thẩm định số 0408/BC-QHXD ngày 04/8/2026 của Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng; ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4781/SXD-QHKT₂ ngày 06/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng), tỷ lệ 1/500 với các nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Vị trí: tại lô CN8, thuộc Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2035, phường Hoành Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Quy mô lập quy hoạch: 52,81 ha;

Trong đó:

+ Diện tích trong ranh giới Dự án kho LNG Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng): 472.636,2m² (47,26ha);

+ Đường giao thông đối ngoại trong phân diện tích 55.480,2m² (5,55ha) đất dùng chung giữa Trung tâm nhiệt điện Vũng Áng III và kho LNG Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng);

1.3. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Tây Bắc giáp: đường hiện trạng, Khu liên hợp gang thép Formosa;
- Phía Đông Nam giáp: đất cây xanh (thuộc quy hoạch Trung tâm Nhiệt điện Vũng Áng III);
- Phía Đông Bắc giáp: biển Đông;
- Phía Tây Nam giáp: đất cây xanh (thuộc quy hoạch Phân khu Trung tâm Nhiệt điện LNG Vũng Áng III).

Ranh giới khu vực lập quy hoạch được xác định bằng các mốc tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000; tọa độ các mốc ranh giới được thể hiện trong bảng dưới đây:

BẢNG TỌA ĐỘ (VN-2000)		
CỘT MỐC	X (m)	Y (m)
1	1993621.72	600216.74
2	1992814.33	600659.54
3	1993064.90	601116.44
4	1993864.76	600659.90
5	1993960.69	600606.82
6	1993718.16	600163.85

1.4. Thời hạn quy hoạch: theo thời hạn hoạt động dự án.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm quy hoạch:

- Xây dựng Vũng Áng thành trung tâm trung chuyển khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) lớn của khu vực miền Trung, đặt nền tảng vững chắc để chuyển đổi nhiên liệu sạch, giảm phát thải carbon và góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 (Net-Zero) của Việt Nam;

- Tích hợp đồng bộ Kho cảng LNG với hệ thống Trung tâm điện lực và các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần (logistics).

2.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (kho LNG Vũng Áng); đồ án Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2035;

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng; đồng thời làm cơ sở pháp lý để triển khai dự án đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh năng lượng, quốc phòng - an ninh;

- Là cơ sở để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

3. Tính chất, chức năng của quy hoạch

Là kho chứa LNG có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết nối với các khu chức năng của Khu kinh tế Vũng Áng và khu vực lân cận; có chức năng cung cấp khí cho các nhà máy nhiệt điện LNG theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (Quảng Trạch II, Vũng Áng III, Quảng Trạch III...) và các cơ sở sản xuất công nghiệp, khách hàng tiêu thụ khí trong khu vực.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

- Dự báo nhu cầu sử dụng lao động dự kiến của dự án khi hoàn thành đi vào hoạt động khoảng 150 người.

- Căn cứ các chỉ tiêu khống chế của đồ án Quy hoạch chung và Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng hiện hành, đồ án xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu như sau:

Bảng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và dự báo chỉ tiêu cho quy hoạch

Stt	Loại đất	Đơn vị (%)	Chỉ tiêu	QCVN (01:2021/BXD)
1	Tỷ lệ đất cây xanh	%	≥20	≥20
2	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥10	≥10
3	Cấp điện sản xuất	kW/ha	≥200	≥200
4	Cấp nước sản xuất	m³/ha. ngày	≥40	≥20
	Tỷ lệ cấp nước	%	≥60	≥60
5	Thu gom nước thải sinh hoạt	≥80% tiêu chuẩn cấp nước		
6	Hạ tầng viễn thông thụ động			
a	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng, khu kỹ thuật	Thuê bao/ha	≥10	
b	Đất xây dựng công trình hành chính, dịch vụ	Thuê bao/ha	≥20	
7	Xử lý rác thải	Kg/người/ngày	≥1,0	1,0
		Tấn/ha	≥0,3	≥0,3
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	%	100	100

5. Các nội dung chính của quy hoạch

5.1. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất khu quy hoạch

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích quy hoạch		472.636,2	
I	Giai đoạn 1		302.789,2	100,0
1	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng	CN	144.587,8	47,75
2	Đất công trình dịch vụ	DV	7.674,2	2,53
3	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	CX	60.577,3	20,01
4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	KT	43.097,1	14,23
5	Đất giao thông	GT	46.852,8	15,47
II	Giai đoạn 2		169.847,0	
1	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng giai đoạn 2	CNGĐ2	169.847,0	

Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
	Tổng diện tích quy hoạch		472.636,2		
I	Giai đoạn 1		302.789,2	100,0	
1	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng	CN	144.587,8	47,75	
1.1	Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống	CN-01	1.464,1	0,48	1,0
1.2	Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống	CN-02	1.588,6	0,52	1,0
1.3	Đất bố trí bồn chứa TK-21 & bơm trong bồn	CN-03	7.088,2	2,34	1,0
1.4	Đất bố trí cụm Clo điện hóa	CN-04	1.544,1	0,51	1,0
1.5	Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống	CN-05	1.546,5	0,51	1,0
1.6	Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống	CN-06	1.938,5	0,64	1,0
1.7	Đất bố trí bồn chứa TK-21 & bơm trong bồn	CN-07	7.088,2	2,34	1,0
1.8	Đất bố trí khu máy nén BOG, khu máy nén tăng áp, cầu ống, gói đỡ ống	CN-08	6.874,4	2,27	1,0
1.9	Đất bố trí khu sân bãi lắp đặt	CN-09	11.385,0	3,76	1,0

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
	<i>đường ống, thiết bị</i>				
1.10	<i>Đất bố trí thiết bị ngưng tụ BOG, bơm cao áp, bộ tái hòa khí, trạm đo lường và khu vực bộ gia nhiệt khí thiên nhiên, khu vực bộ gia nhiệt khí nhiên liệu, cầu ống, gói đỡ ống</i>	CN-10	19.925,0	6,58	4,0
1.11	<i>Đất bố trí hệ thống thu phóng PIG</i>	CN-11	300,7	0,10	1,0
1.12	<i>Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống</i>	CN-12	1.337,5	0,44	1,0
1.13	<i>Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống</i>	CN-13	1.338,3	0,44	1,0
1.14	<i>Đất bố trí cầu ống, gói đỡ ống, khu vực đuốc</i>	CN-14	60.704,2	20,05	1,0
1.15	<i>Đất bố trí nhà bảo vệ khu tiếp liệu xe bồn, nhà dịch vụ khu tiếp liệu xe bồn, khu tiếp liệu xe bồn, cầu ống, gói đỡ ống</i>	CN-15	20.464,5	6,76	1,0
2	Đất công trình dịch vụ	DV	7.674,2	2,53	
2.1	<i>Đất bố trí nhà bảo vệ</i>	DV-01	107,2	0,04	1,0
2.2	<i>Đất bố trí nhà bảo vệ</i>	DV-02	120,0	0,04	1,0
2.3	<i>Đất bố trí nhà bảo vệ</i>	DV-03	176,3	0,06	1,0
2.4	<i>Đất bố trí nhà điều hành, nhà ăn, nhà đỗ xe</i>	DV-04	4.285,8	1,42	4,0
2.5	<i>Đất bố trí nhà điều khiển, nhà xe chữa cháy</i>	DV-05	2.920,0	0,96	1,0
2.6	<i>Đất bố trí nhà bảo vệ</i>	DV-06	64,9	0,02	1,0
3	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	CX	60.577,3	20,01	1,0
4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	KT	43.097,1	14,23	
4.1	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước thải)</i>	KT-01	336,4	0,11	1,0
4.2	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm bơm nước biển)</i>	KT-02	2.594,1	0,86	1,0
4.3	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm nước sạch, kho chứa dầu Diesel cho trạm bơm chữa cháy, trạm nước chữa cháy)</i>	KT-03	5.654,5	1,87	1,0

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
4.4	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm khí nén và khí ni tơ, kho xưởng, nhà xưởng, kho chất thải, phòng hóa chất)	KT-04	4.268,0	1,41	1,0
4.5	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm điện)	KT-05	3.547,0	1,17	3,0
4.6	Đất hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước nhiễm dầu, khu chứa dầu Diesel, nhà máy phát)	KT-06	7.042,4	2,33	1,0
4.7	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm điện)	KT-07	4.059,0	1,34	3,0
4.8	Đất hạ tầng kỹ thuật (kho chứa dầu Diesel, nhà máy phát)	KT-08	6.887,3	2,27	1,0
4.9	Đất hạ tầng kỹ thuật (kè biển)	KT-09	6.422,6	2,12	-
4.10	Đất hạ tầng kỹ thuật (kênh xả nước biển)	KT-10	2.285,8	0,75	-
5	Đất giao thông	GT	46.852,8	15,47	
II	Giai đoạn 2		169.847,0		
1	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng giai đoạn 2	CNGĐ2	169.847,0	100,0	
1.1	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng 01	CNGĐ2-01	46.037,0	27,10	-
1.2	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng 02	CNGĐ2-02	82.512,0	48,58	-
1.3	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng 03	CNGĐ2-03	41.298,0	24,31	-

5.2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian kiến trúc phù hợp với Quy hoạch chung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các công trình được bố trí theo dây chuyền công nghệ sản xuất, bảo đảm sử dụng đất hợp lý, thuận tiện trong tổ chức sản xuất, vận hành, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn.

- Khu hành chính, dịch vụ, kho, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật và cây xanh được tổ chức đồng bộ, bảo đảm kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật của Khu kinh tế.

- Cây xanh được bố trí dọc các tuyến giao thông, xung quanh các công trình và khu vực kỹ thuật, cải thiện cảnh quan, môi trường và tạo khoảng đệm giữa các khu chức năng.

5.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống giao thông

Bảng tổng hợp các tuyến giao thông:

Stt	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)			Tổng Bề rộng (m)
			Mặt đường	Hè đường	Dải phân cách	
Giao thông đối ngoại						
1	MC 1-1	103,0	6,00x2	4,00x2	0,0	20,00
2	MC 2A-2A	103,0	4,00x2	2,00x2	0,0	12,00
Giao thông nội khu						
3	MC 2-2	5.303,0	4,00x2	2,00x2	0,0	12,00
4	MC 3-3	1.514,0	3,00x2	2,00x2	0,0	10,00
5	MC 4-4	394,0	3,50x2	2,00x2	0,0	11,00
6	MC 5-5	124,0	2,00x2	2,00x2	0,0	8,00

b) Cao độ nền và thoát nước mưa

- Nền xây dựng:

+ Cao độ các tim đường từ +5,34m đến +5,38m;

+ Cao độ quy hoạch của khu vực từ +5,30m đến +5,80m.

+ Hướng san nền chính: San nền các lô đất nghiêng về các tuyến đường giao thông.

- Thoát nước mưa:

+ Sử dụng hệ thống riêng hoàn toàn, hoạt động theo chế độ tự chảy;

+ Nước được thu gom vào các tuyến mương được đặt dọc theo các trục đường chính rồi thoát nước tự nhiên rồi thoát ra ngoài phía đông khu vực qua 05 vị trí.

c) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

- Xây dựng trục chính tuyến cáp ngầm 22kV từ điểm đấu nối với lưới điện quốc gia trên không đến trạm biến áp mới cấp điện cho phụ tải trong khu quy hoạch;

- Đầu tư xây dựng mới nhà trạm biến áp công suất khoảng 25MVA cấp điện cho khu quy hoạch (trạm gồm 02 máy biến áp chính công suất khoảng

25MVA/máy, trong đó 1 máy vận hành và 1 máy dự phòng), sau đó từ trạm biến áp hạ áp từ 22/6,6kV và 6,6kV/0.4kV cấp nguồn đến các phụ tải tại các vùng trong khu vực quy hoạch thông qua hệ thống các tủ điện trung thế và hạ thế;

- Lưới điện hạ thế 0.4kV cấp điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng cáp đi ngầm.

d) Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

Hệ thống hạ tầng viễn thông được đấu nối với hệ thống hạ tầng viễn thông của Khu kinh tế; bố trí hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định.

e) Hệ thống cấp nước

- Nhu cầu dùng nước của khu vực quy hoạch $4.340\text{m}^3/\text{ng.đ}$. Nguồn nước cấp cho khu vực nghiên cứu được lấy từ nhà máy nước Vũng Áng thông qua tuyến đường ống cấp 1 có đường kính 250mm chạy dọc theo tuyến đường 40m cách khu vực khoảng 1.300m về phía Tây Nam và sẽ lắp đặt đường ống đấu nối vào điểm đầu nối gần hàng rào ranh giới dự án;

- Mạng lưới cấp nước thiết kế dạng mạng cành cây và mạch vòng kết hợp, chạy dọc theo các tuyến đường chính của khu vực và các tuyến đường ống phân phối lấy nước từ trạm bơm cấp nước trong khu vực;

- Các hòng cứu hỏa bố trí trên mạng lưới đường ống cấp nước, ưu tiên tại các vị trí ngã ba, ngã tư và các điểm thuận lợi cho xe chữa cháy tiếp cận, khai thác nguồn nước khi có sự cố. Hòng cứu hỏa thiết kế theo dạng nổi, bảo đảm yêu cầu về khoảng cách bố trí, lưu lượng, áp lực và khả năng vận hành theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

g) Hệ thống thoát nước thải

- Trong khu vực đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải công nghiệp;

- Xây dựng trạm xử lý nước thải để xử lý nước thải cho khu quy hoạch. Trạm xử lý nước thải tập trung công suất khoảng $16\text{m}^3/\text{ngđ}$, cụm xử lý nước mưa nhiễm dầu công suất khoảng $48,96\text{m}^3/\text{ngđ}$.

h) Quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn phân loại tại nguồn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Chất thải rắn sinh hoạt thu gom, lưu giữ tạm thời và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch;

- Chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

i) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Việc triển khai dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Các công trình thu gom, xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và các công trình bảo vệ môi trường khác phải được bố trí đồng bộ, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt;
- Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu thẩm định, lưu trữ hồ sơ quy hoạch; phối hợp Chủ đầu tư tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

2. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh công bố, công khai đồ án quy hoạch; tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung quy hoạch chi tiết được phê duyệt; thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện và giám sát xây dựng theo quy hoạch; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Tổng giám đốc Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần; Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý quy hoạch và xây dựng, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đầu tư, Quản lý Doanh nghiệp; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và các tổ chức cá nhân, liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Sở: Xây dựng; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ;
- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;
- UBND phường Hoành Sơn;
- Trưởng ban;
- Các Phó Trưởng ban;
- Lưu: VT, QHXD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Văn Tình